

Bản án số: 109/2024/DS-ST
Ngày: 20-8-2024
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Xuân Đào;
- Ông Nguyễn Văn Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 372/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng Q, sinh năm 1971; địa chỉ: số A, tổ C, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959; địa chỉ: khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền được Văn phòng C chứng nhận ngày 22/7/2024); có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Võ Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Hà Thị My S, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Võ Văn T: Ông Lê Phước H,

sinh năm 1980; địa chỉ: số A, đường T nối dài, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền được Văn phòng công chứng Lý Thanh Dũng chứng nhận ngày 23/5/2024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hà Thị Mi S1: Ông Lê Phước H là Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: số A, đường T nối dài, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Như T1 (Út T2), sinh năm 1978; địa chỉ: số C, đường số A, khu dân cư S, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Hồng Q cho rằng, vào ngày 30/11/2020, ông Q có cho vợ chồng ông Võ Văn T, bà Hà Thị Mi S1 vay số tiền 460.000.000 đồng để mua phương tiện (tàu) chuyên chở trấu, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng (chỉ nói miệng, không ghi vào biên nhận). Các bên có lập biên nhận ngày 30/11/2020, được ông T và bà S1 ký tên, ghi họ tên. Đến hạn trả nợ, vợ chồng ông T, bà S1 không thực hiện việc trả số tiền đã vay cho ông Q. Ngày 22/7/2023, ông T, bà S1 có xin ông Q gia hạn thêm thời gian trả nợ đến ngày 22/10/2023. Từ khi vay đến ngày 22/7/2023, ông T, bà S1 có trả lãi cho ông Q nhưng không liên tục, không xác định được thời gian từng lần trả lãi và số tiền lãi đã trả. Vào ngày 05/8/2023, ông T, bà S1 có trả cho ông Q nợ gốc 102.917.460 đồng, được thống nhất làm tròn 103.000.000 đồng và cam kết sẽ trả toàn bộ số nợ gốc còn lại 357.000.000 đồng vào ngày ngày 22/10/2023. Tuy nhiên, cho đến khi ông Q khởi kiện, ông T, bà S1 vẫn chưa trả số nợ gốc còn lại cho ông Q, mặc dù, ông Q đã nhiều lần yêu cầu. Vì vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu ông T, bà S1 có nghĩa vụ trả cho ông Quân số tiền còn nợ 357.000.000 đồng, không yêu cầu trả nợ lãi.*

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Biên nhận (mượn tiền) ngày 30/11/2020 có chữ ký của bên vay đề họ tên Võ Văn T, Hà Thị My S (bản photo); Tờ cam kết ngày 22/7/2023 có chữ ký của bên cam kết đề họ tên Võ Văn T, Hà Thị My S (bản photo).

- *Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hà Thị My S, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Văn T trình bày, vào ngày 30/11/2020, do cần tiền mua ghe chở trấu thuê nên vợ chồng ông Võ Văn T, bà Hà Thị My S có nhờ bà Phạm Thị Như T1 giới thiệu người để ông T, bà S vay tiền mua ghe. Bà T1 có giới thiệu để ông T, bà S vay của ông Phạm Hồng Q số tiền 460.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi 2,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Khi đó, các bên có lập biên nhận (mượn tiền) ngày 30/11/2020 thể hiện việc vay. Nội dung biên nhận do phía ông Q viết; ông T, bà S ký tên, ghi họ tên. Sau đó, ông T, bà S sử dụng số tiền vay mua ghe. Sau khi vay, ông T, bà S có trả lãi*

cho ông Q theo thỏa thuận được một khoảng thời gian nhưng không liên tục, không nhớ rõ thời gian từng lần trả lãi và không xác định được số tiền lãi đã trả. Do làm ăn thua lỗ nên ông T, bà S chưa trả nợ gốc cho ông Q. Vào ngày 22/7/2023, do không có khả năng trả nợ theo yêu cầu của ông Q nên ông T, bà S có viết Tờ cam kết thừa nhận có vay và nợ của ông Q 460.000.000 đồng và xin trả trong hạn 03 tháng. Sau đó, ông T, bà S có nhờ bà T1 tìm người mua lại ghe mà ông T, bà S đã mua trước đó. Ông T, bà S đã bán lại ghe cho người lạ với số tiền khoảng 330.000.000 đồng. Sau khi trả số tiền nợ của người khác, số tiền còn lại 102.917.460 đồng. Ông T, bà S sử dụng số tiền này trả cho ông Q và các bên thống nhất làm tròn 103.000.000 đồng vào ngày 05/8/2023. Vì vậy, ông T, bà S thừa nhận còn nợ ông Quân số tiền vay 357.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không trả thêm tiền lãi.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Như T1 trình bày, việc vay tiền giữa nguyên đơn với bị đơn không liên quan đến bà T1. Đồng thời, bà T1 yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, trong đó, có các phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu khởi kiện như nguyên đơn đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn bà Hà Thị My S và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Văn T bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 85 và 86 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ ông Q khởi kiện là biên nhận tiền ngày 30/11/2020 có chữ ký của ông Võ Văn T, bà Hà Thị My S, có nội dung ông T, bà S có vay ông Q 460.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 30/11/2021, không thỏa thuận lãi. Đến ngày 05/8/2023, ông T, bà S có trả cho ông Quân số tiền 102.917.460 đồng và cam kết ngày 22/10/2023 sẽ trả toàn bộ số tiền còn lại 357.000.000 đồng nhưng ông T, bà S không thực hiện cam kết nên ông Q khởi kiện là có căn cứ.

Việc bị đơn xin trả dần hằng tháng nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở xem xét. Về lãi suất, do ông Q không yêu cầu nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng Q; buộc ông Võ Văn T, bà Hà Thị Mi S1 trả ông Phạm Hồng Q số tiền 357.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Phạm Hồng Q khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn T, bà Hà Thị Mi S1 trả nợ vay. Ông T, bà S1 đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của ông Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Như T1 vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Nguyên đơn ông Phạm Hồng Q, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bị đơn bà Hà Thị Mi S1, ông Lê Phước H, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Văn T, thống nhất trình bày, vào ngày 30/11/2020, ông Q có cho vợ chồng ông T, bà S1 vay số tiền 460.000.000 đồng để mua phương tiện chuyên chở trâu, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng. Các bên có lập biên nhận ngày 30/11/2020, được ông T và bà S1 ký tên, ghi họ tên. Đến hạn trả nợ, vợ chồng ông T, bà S1 chưa trả số tiền đã vay của ông Q. Ngày 22/7/2023, ông T, bà S1 có xin ông Q gia hạn thêm thời gian trả nợ đến ngày 22/10/2023. Vào ngày 05/8/2023, ông T và bà S1 có trả cho ông Quân số tiền 102.917.460 đồng, được thống nhất làm tròn là 103.000.000 đồng và cam kết ngày 22/10/2023 sẽ trả toàn bộ số tiền còn lại 357.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay, ông T và bà S1 vẫn chưa trả số tiền trên cho ông Q.

Lời khai của ông Q, ông M, ông H, bà S1 phù hợp với Biên nhận (mượn tiền) ngày 30/11/2020 có chữ ký của bên vay đề họ tên Võ Văn T, Hà Thị My S và Tờ cam kết ngày 22/7/2023 có chữ ký của bên cam kết đề họ tên Võ Văn T, Hà Thị My S.

Vì vậy, có căn cứ xác định ông T, bà S vay của ông Quân số tiền 460.000.000 đồng, với lãi suất 2,5%, thời hạn vay 12 tháng và đã thanh toán nợ gốc 103.000.000 đồng cùng tiền lãi không xác định được.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do ông T, bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Q khởi kiện yêu cầu ông T, bà S trả số nợ gốc 357.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 và có lợi cho bị đơn. Vì vậy, buộc ông T, bà S trả cho và ông Q nợ vay 357.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi đã trả, do các đương sự không xác định được và không yêu cầu xem xét, giải quyết, điều chỉnh nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về phương thức thanh toán, ông T, bà S yêu cầu trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Cho nên, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T, bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ông Q là 17.850.000 đồng.

Ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông Quân số tiền tạm ứng án phí 9.375.000 đồng mà ông Q đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng Q.

Buộc ông Võ Văn T, bà Hà Thị Mi S1 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hồng Q số nợ vay 357.000.000 *(ba trăm năm mươi bảy triệu) đồng.*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn T, bà Hà Thị Mi S1 phải chịu 17.850.000 *(mười bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Hồng Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Hồng Q số tiền tạm ứng án phí 9.375.000 *(chín triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng* mà ông Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015114 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Hồng Q, ông Võ Văn T, bà Hà Thị Mi S1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Phạm Thị Như T1 được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình